

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 234/2020/HS-ST
Ngày 13-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Công Danh

Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2020/TLST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 86/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 200/2020/HSST-QĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 280/2020/HSST-QĐ ngày 10 tháng 4 năm 2020 và Thông báo dời lịch ngày 05/5/2020, đối với:

- Bị cáo: N, sinh năm 1998, tại Đăk Lăk; nơi đăng ký thường trú và cư trú: Xã B, huyện P, tỉnh Đăk Lăk; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N và bà C; gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình và chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 23/5/2017, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Ngày 08/6/2018, chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/11/2019, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đăk Lăk xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 05/02/2020, Tòa án

nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bản án của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc do bị cáo N rút toàn bộ kháng cáo.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2019 tại Cơ sở giam giữ Công an huyện P. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an B (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bị hại:* Chị N, sinh năm 1999; cư trú tại: phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Q, sinh năm 1969; cư trú tại: Phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

+ Anh C, sinh năm 1979; cư trú tại: phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính của vụ án:

Khoảng 19 giờ ngày 20/4/2019, N đến khu phòng trọ tại địa chỉ: phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để thăm người quen thì phát hiện tại phòng trọ của chị N có để 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 47M1-599.44, chìa khóa để trên ổ khóa xe nên Nam nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để lấy tiền tiêu xài. Nam dắt xe ra ngoài rồi điều khiển xe về phòng trọ của mình tại Phường D, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để cất giấu. Ngày 21/4/2019, Nam đem chiếc xe mô tô đã trộm cắp được đi cầm tại Tiệm cầm đồ Ngọc Xuân Phúc, địa chỉ: 66/78, Bùi Trọng Nghĩa, Khu phố 2, phường Trảng Dài, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do anh C làm chủ với giá 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Đến 17 giờ ngày 21/4/2019, Nam chuộc xe và bán cho Anh Q với giá 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Đến ngày 07/5/2019, Nam bị Công an phường Long Bình đưa về trụ sở làm việc về việc trộm cắp chiếc xe mô tô nói trên, tại cơ quan điều tra Nam khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Vật chứng gồm:

- 01 USB màu hồng.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44, số máy 5C63102821, số khung C6308Y102821; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chủ sở hữu là ông C (cha của chị N).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 205/TCKH-HĐĐG ngày 20/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44, số máy 5C63102821, số khung C6308Y102821, đã qua sử dụng, trị giá 11.280.000 đồng (mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)”.

Về dân sự: Chị N và anh Q đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường.

2. Truy tố:

Tại Cáo trạng số: 81/CT-VKSBH ngày 31/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã truy tố N về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

+ Áp dụng khoản 1, Điều 173 và điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo N từ 18 tháng tù đến 20 tháng tù.

3. Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

- *Người bị hại trình bày trong hồ sơ vụ án:* Tài sản đã nhận lại nên không yêu cầu gì; đối với trách nhiệm hình sự của bị cáo thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Lời nói sau cùng:* Bị cáo ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự; các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người bị hại là chị N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q và anh C vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, chị Nga, anh Quốc và anh Cần đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án. Việc vắng mặt trên không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 19 giờ ngày 20 tháng 4 năm 2019, N đã có hành vi trộm cắp tài sản của chị N là xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44, số máy 5C63102821, số khung C6308Y102821 tại phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trị giá tài sản Nam đã trộm cắp được là 11.280.000 đồng (mười một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng)”.

Hành vi của bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản Cáo trạng số 81/CT-VKSBH ngày 31/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo N về tội “Trộm cắp tài sản” theo các điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại được Nhà nước bảo vệ, gây ảnh hưởng trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo không có nghề nghiệp, mặc dù đang trong độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động, không chịu dùng chính sức lao động của mình để tạo thu nhập nuôi sống bản thân mà lại thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo biết việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội. Ngoài lần phạm tội này thì bị cáo thực hiện tiếp hành vi trộm cắp tài sản, bị Tòa án huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” thể hiện bị cáo là người sống không có ý thức chấp hành pháp luật. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo đã từng bị xử phạt tù về hành vi “Cố ý gây thương tích”, mới chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội mới. Hành vi lần này của bị cáo bị xác định là tái phạm theo quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tác động gia đình khắc phục hậu quả thuộc trường hợp được quy định tại điểm b, s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:

Người bị hại chị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Q đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[4] Về vật chứng:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44, số máy 5C63102821, số khung C6308Y102821; Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả lại cho chủ sở hữu là ông C (cha của chị N) là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với 01 USB màu hồng là tài sản của chị N nên trả lại cho chị Nga.

[5] Các vấn đề khác có liên quan đến nội dung vụ án:

Đối với anh C chủ Tiệm cầm đồ Ngọc Xuân Phúc, anh C cần có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh với ngành nghề kinh doanh là cầm đồ, mua bán xe gắn máy. Khi bị cáo cầm cố xe YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44 tại tiệm thì có giấy đăng ký xe, anh C cần không biết chiếc xe này do bị cáo trộm cắp mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh C. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với anh Q là người mua lại chiếc xe YAMAHA Sirius, biển số 47M1-599.44 từ bị cáo mà không biết xe này do bị cáo trộm cắp được mà có nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh Q. Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với trình bày của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

2. Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tổng hợp hình phạt đối với bản án số 66/2019/HSST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo N 01 (một) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2019.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Trả lại cho chị N 01 USB màu hồng. Vật chứng trên đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Viện Kiểm sát nhân dân, thành phố B;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố B;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự ATXH;
- Cơ quan Thi hành án hình sự – Công an thành phố B;
- Nhà tạm giữ – Công an thành phố B;
- Phòng Hồ sơ nghiệp vụ - Công an thành phố B;
- Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố B;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quyên

